

ĐỀ CHÍNH THỨC

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 000

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

*Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án***Câu 1.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho bức xạ Mặt Trời ở nước ta có sự phân hóa là

- A. lãnh thổ kéo dài, Tín phong bán cầu Bắc, thảm thực vật.
- B. địa hình, hoạt động của gió mùa đông Bắc, vĩ độ địa lí.
- C. hoạt động của gió phơn, độ cao địa hình, lãnh thổ hẹp.
- D. hoạt động của gió mùa Tây Nam, địa hình núi, giáp biển.

Câu 2. Điểm giống nhau về khí hậu giữa vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Đông Bắc Bộ là

- A. có mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nền nhiệt mùa đông thấp bằng nhau.
- B. có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C , biên độ nhiệt trong năm lớn, nhiệt độ cực đại vào tháng 7.
- C. thuộc miền khí hậu phía Bắc, có đầy đủ ba đai cao, nhiệt độ phân hóa rõ nét theo độ cao địa hình.
- D. số tháng lạnh bằng nhau, nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1, mùa đông có tuyết rơi ở đỉnh núi cao.

Câu 3. Hàng năm, trong khoảng thời gian tháng IX - XI, Trung Bộ chịu ảnh hưởng liên tiếp của các đợt mưa lũ do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lí, xoáy thuận nhiệt đới, dải hội tụ nội chí tuyến, gió đông bắc, địa hình.
- B. vị trí địa lí, gió hướng đông bắc, gió hướng tây nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- C. hình dạng lãnh thổ, gió Tín phong, gió mùa Tây Nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- D. hình dạng lãnh thổ, địa hình chắn gió, các loại gió hướng Tây Nam, bão nhiệt đới.

Câu 4. Chế độ mưa của phần lãnh thổ phía Nam nước ta đã làm cho chế độ nước của sông ngòi

- A. có sự chênh lệch lớn về lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn.
- B. có thời gian lũ không giống nhau giữa các vùng lãnh thổ.
- C. theo sát nhịp điệu mưa, phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ mưa.
- D. có mùa lũ trùng với mùa khô, mùa cạn trùng với mùa mưa.

Câu 5. Tính địa đới của tài nguyên đất nước ta được thể hiện ở

- A. đất feralit có mùn ở độ cao 600-700m đến 1600-1700m.
- B. đất phù sa ngọt phân bố dọc các thung lũng sông lớn.
- C. đất feralit đỏ vàng chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp.
- D. đất feralit, đất feralit có mùn, đất mùn và đất mùn thô.

Câu 6. So với Nam Bộ, hệ sinh thái rừng ngập mặn ở miền Trung phát triển không thuận lợi chủ yếu do

- A. ít bãi lầy ven biển, nhiều bãi cát, sóng biển, bão mạnh.
- B. ít đất phèn, thềm lục địa hẹp, nhiều bão và áp thấp.
- C. rừng phòng hộ chiếm ưu thế, tác động của con người.
- D. địa hình hẹp ngang, tác động của gió mùa Đông Bắc.

Câu 7. Miền Bắc có một mùa đông lạnh, miền Nam có một mùa khô sâu sắc, Tây Trường và Đông Trường Sơn có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô. Đặc điểm khí hậu đó là do

- A. nước ta nằm ở vùng nội chí tuyến ở trung tâm vùng Đông Nam Á gió mùa.
- B. hoạt động của gió mùa làm phức tạp tính chất nóng ẩm cơ bản của nước ta.
- C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến lại tiếp giáp với Biển Đông.
- D. sự luân phiên hoạt động nhịp nhàng của các khối khí trên lãnh thổ nước ta.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây về vị trí địa lí ảnh hưởng quyết định đến sự cung ứng dịch vụ logistics và kết nối giao thông của nước ta với thế giới?

- A. trong khu vực kinh tế phát triển năng động, gần trung tâm Đông Nam Á.
- B. Nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải và đường hàng không quốc tế.
- C. Nước ta nằm tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia và biển Đông.
- D. Nước ta nằm ở vị trí giao thoa giữa các nền văn hoá lớn trên Thế giới.

Câu 9. Định hướng phát triển chung của nền kinh tế nước ta hiện nay

- A. thực hiện công cuộc Đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế tri thức.
- B. khu vực hoá, toàn cầu hoá, áp dụng khoa học – công nghệ, kinh tế tuần hoàn.
- C. áp dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập, phát triển bền vững.
- D. phát triển bền vững, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, kinh tế xanh, kinh tế tri thức.

Câu 10. Dân số nông thôn của nước ta chiếm tỉ lệ lớn chủ yếu do

- A. trình độ công nghiệp hóa chưa cao, xuất phát kinh tế thấp.
- B. nông nghiệp là ngành truyền thống, cần rất nhiều lao động.
- C. chủ yếu trồng lúa nước, tính chất nền kinh tế, tập quán.
- D. công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển, đô thị thừa thớt.

Câu 11. Năng suất lao động ở khu vực thành thị nước ta cao hơn nông thôn chủ yếu do

- A. trình độ lao động, tính chất nền kinh tế, ứng dụng công nghệ.
- B. chất lượng lao động, trình độ phát triển kinh tế, dân số đông.
- C. công nghiệp và dịch vụ là hai ngành chính, trình độ lao động.
- D. cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng tốt, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 12. Cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay đang có sự chuyển dịch tích cực, do tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Thu hút đầu tư, chất lượng lao động cao, thị trường lớn, đô thị hóa.
- B. Công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển, năng suất lao động, nhu cầu.
- C. Tâm lí xã hội, ý thức người lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.
- D. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nền kinh tế thị trường, đô thị hóa.

Câu 13. Tỉ lệ dân thành thị ở Đồng bằng sông Hồng cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long do

- A. hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng phát triển hơn.
- B. số lượng đô thị Đồng bằng sông Hồng nhiều hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng được khai thác sớm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. bình quân đất canh tác trên đầu người ở Đồng bằng sông Hồng thấp hơn.

Câu 14. Hướng giải quyết việc làm quan trọng nhất hiện nay của nước ta

- A. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, đầu tư tạo việc làm.
- B. Đẩy mạnh việc đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng lao động.
- C. Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin kịp thời về thị trường lao động.
- D. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động mở rộng thị trường việc làm.

Câu 15. Hàng nội địa và xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. sản xuất trong nước phát triển, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sản xuất phong phú, đa dạng.
- C. nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nguyên liệu đa dạng.
- D. đẩy mạnh việc xuất khẩu, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 16. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vào loại cao nhất cả nước chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Hoạt động xuất khẩu diễn ra mạnh, dân cư đông đúc, vốn đầu tư rất lớn.
- B. Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, có nhiều chợ lớn, siêu thị.
- C. Có mật độ dân số cao, vốn đầu tư rất lớn, nền kinh tế hàng hoá phát triển.
- D. Vốn đầu tư lớn, nhu cầu tiêu dùng cao, sản xuất, xuất khẩu nhiều hàng hóa.

Câu 17. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong xu hướng phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- B. Tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp.
- C. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hiện đại.
- D. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Câu 18. Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu cây ăn quả nhiệt đới ở nước ta là

- A. chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường.
- B. tăng đầu tư vốn, nâng cao trình độ lao động.

C. đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu.

D. liên kết chế biến, tìm kiếm các thị trường mới.

Câu 19. Các cơ sở sản xuất đồ uống tập trung ven các đô thị lớn của nước ta chủ yếu là do

A. gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại.

B. có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.

C. gần thị trường tiêu thụ và có lực lượng lao động đông đảo.

D. gần thị trường tiêu thụ và đáp ứng nguồn vốn đầu tư lớn.

Câu 20. Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông vận tải lớn của nước ta chủ yếu là do

A. có nền kinh tế - xã hội phát triển, tập trung nhiều tuyến đường quan trọng đi qua.

B. có vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông đúc và nhiều tuyến đường quan trọng.

C. tập trung nhiều loại hình, kinh tế - xã hội phát triển, hạ tầng giao thông vận tải.

D. vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng vận tải phát triển, dân cư tập trung đông đúc.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2021 TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	20,3	22,3	25,8	27,5	29,6	31,1	30,9	30,8	27,8	26,8	25,1	22,4
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	24,1	22,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

a) Tháng lạnh nhất chịu ảnh hưởng khuếch tán của gió mùa đông bắc, biên độ nhiệt $10,8^{\circ}\text{C}$.

b) Nhiệt độ đạt tiêu chuẩn nhiệt đới, lượng mưa các tháng mùa mưa gấp 19,9 lần tháng khô.

c) Mưa thu đông, nhiệt độ tháng nóng nhất ảnh hưởng của hoàn lưu gió và địa hình đón gió.

d) Có 3 tháng hạn, 4 tháng khô, mưa phân hoá theo mùa, chiếm gần 90% lượng mưa cả năm.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sự tham gia và phát triển các chuỗi nông sản mang lại nhiều lợi ích cho các bên. Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị giúp đảm bảo cho các chủ thể tham gia chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm với nhau, điều tiết cung cầu thị trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp.

a) Chuỗi giá trị nông sản ở nước ta chủ yếu là khâu cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom sản phẩm.S

b) Hiện nay, ở nước ta số lượng hợp tác xã nông nghiệp chiếm tỉ lệ lớn tạo thuận lợi cho việc tham gia vào các chuỗi cung ứng nông nghiệp.Đ

c) Nhằm nâng cao giá trị nông sản đầu vào nước ta đã đẩy mạnh phát triển khâu chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.Đ

d) Các doanh nghiệp tiến hành hợp tác trực tiếp với nông dân trong việc thu mua nguồn nông sản để giảm chi phí sản xuất.S

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN, GDP VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2012 – 2021.

Tiêu chí	2012	2015	2021
Số dân (triệu người)	88,8	92,2	98,5
GDP (tỉ đồng)	4073,8	5191,3	8479,7
Thu nhập bình quân đầu người một tháng (nghìn đồng/người)	3825	4692	7175

a) Quy mô dân số và GDP của nước ta giai đoạn 2012-2021 đều tăng, trong đó GDP có tốc độ tăng nhanh hơn.

b) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 tăng liên tục.

c) Quy mô dân số của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 giảm liên tục.

d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 gấp 1,9 lần so với năm 2012.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Đến nay, ngành Dầu khí Việt Nam đã có đủ các hoạt động trong chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, công nghiệp khí - điện, chế biến dầu khí, dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Xu hướng phát triển của ngành là áp dụng quy trình công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm tài nguyên, tăng hiệu quả và giá trị sử dụng các sản phẩm dầu thô, khí tự nhiên, giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường.

a) Các nhà máy nhiệt điện có công suất lớn ở nước ta hiện nay sử dụng nguồn nhiên liệu từ khí thiên nhiên.

b) Để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm dầu khí của Việt Nam cần đẩy mạnh chế biến sâu, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

c) Việc phát triển ngành khai thác và chế biến dầu khí không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

d) Giải pháp đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp dầu khí chủ yếu là nâng cao trình độ lao động, thu hút đầu tư, nội địa hóa hoạt động của ngành.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Ngày 28/05/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định 35/2022 NĐ-CP “Quy định về Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp” đề ra “phương hướng xây dựng, phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế; đầu tư hạ tầng, thành lập, hoạt động, chính sách phát triển và quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu kinh tế”. Nghị định đã định hướng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp sinh thái, giảm tiêu hao năng lượng, hạn chế khí phát thải nhà kính, chú trọng trách nhiệm xã hội và được quản trị theo mô hình Chính phủ số. Đây chính là xu hướng mới trong phát triển các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay.

a) Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao góp phần thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cũng đặt ra nhiều vấn đề về chất thải, bảo vệ môi trường cần giải quyết.

c) Khó khăn trong việc chuyển đổi sang phát triển các khu công nghiệp sinh thái là chi phí xây dựng lớn hơn nhiều so với khu công nghiệp.

d) Ý nghĩa xã hội của việc phát triển mô hình khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ là nâng mức thu nhập của người dân lên rất cao.

Câu 6. Cho thông tin sau:

Cao tốc Bắc - Nam có vai trò rất quan trọng, là trục xương sống, hành lang kinh tế - vận tải huyết mạch của đất nước. Để tạo ra động lực đột phá, phát huy được tiềm năng, lợi thế các địa phương trên hành lang này, tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đã được quy hoạch với tổng chiều dài 2.063 km từ Cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn đến Cà Mau đi qua 32 tỉnh, thành phố.

a) Việc xây dựng cao tốc Bắc – Nam đã làm cho chi phí logistics tăng.

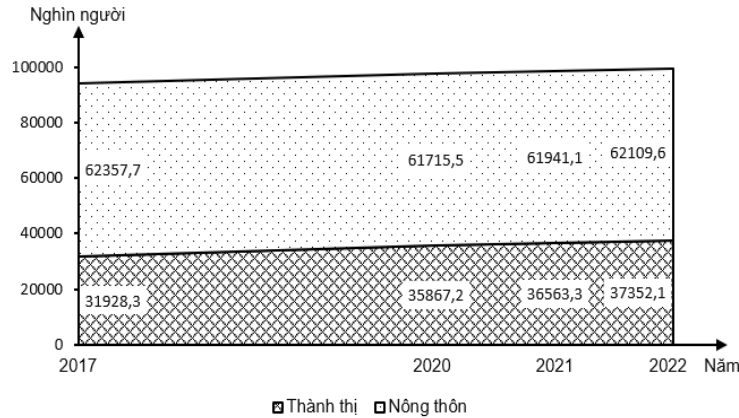
b) Tạo công ăn, việc làm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.

c) Góp phần mở ra không gian phát triển mới, thu hút đầu tư.

d) Góp phần phát triển kinh tế xã hội phần lãnh thổ phía Tây đất nước phát triển.

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6*

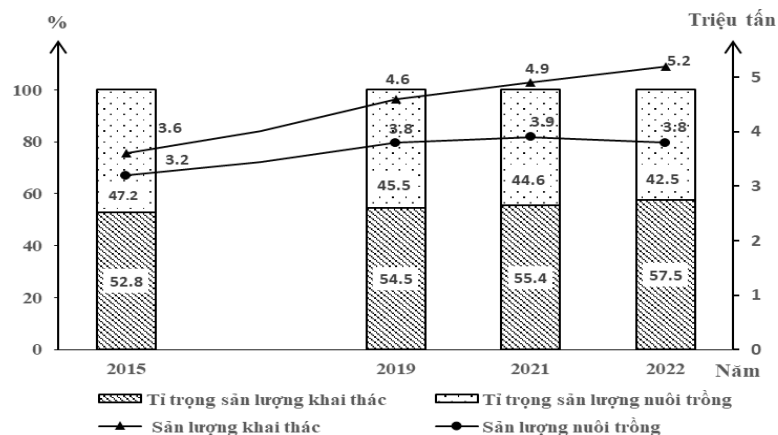
Câu 1. Cho biểu đồ về dân số thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 2017 - 2022:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, cho biết năm 2022 tỉ lệ dân nông thôn giảm bao nhiêu phần trăm so với năm 2017. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 2. Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 – 2022



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, tính tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản nước ta năm 2022 so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị : Nghìn tấn)

Năm	2010	2013	2016	2021
Khai thác biển	2220,0	2607,0	3035,9	3743,8
Khai thác nội địa	194,4	196,8	190,2	195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2021 so với năm 2010 lớn hơn bao nhiêu % tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2021 so với năm 2010? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BỘ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	587,0	882,6	1 282,1	1 303,3
Khối lượng luân chuyển (tỉ tấn.km)	36,2	51,5	73,5	75,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của đường bộ ở nước ta năm 2021 giảm đi bao nhiêu km so với năm 2010 ? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân thứ nhất của km)

Câu 5. Năm 2022, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta là 730,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 358,9 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất siêu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2022. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 6. Năm 2021, biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta là 668,9 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 101%. Tính trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT PHẦN ĐÁP ÁN

PHẦN I

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,40 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	B	A	A	C	A	B	B	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Chọn	A	D	A	B	A	B	D	A	C	C

PHẦN II

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,20 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,12 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,3 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,6 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,2 điểm.

Câu 1.	Câu 2.	Câu 3.	Câu 4.	Câu 5.	Câu 6.
a) Đ	a) S	a) Đ	a) Đ	a) Đ	a) S
b) Đ	b) Đ	b) Đ	b) Đ	b) Đ	b) Đ
c) S	c) Đ	c) S	c) Đ	c) Đ	c) Đ
d) Đ	d) S	d) Đ	d) S	d) S	d) S

PHẦN III

(Mỗi câu trả lời Đúng thí sinh Được 0,8 Điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Chọn	3,7	132	68,8	3,9	3,3	336

LỜI GIẢI

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu làm cho bức xạ Mặt Trời ở nước ta có sự phân hóa là

- A. lãnh thổ kéo dài, Tín phong bán cầu Bắc, thảm thực vật.
- B. địa hình, hoạt động của gió mùa đông Bắc, vĩ độ địa lí.
- C. hoạt động của gió phơn, độ cao địa hình, lãnh thổ hẹp.
- D. hoạt động của gió mùa Tây Nam, địa hình núi, giáp biển.

Nguyên nhân sự phân hoá bức xạ Mặt Trời do: địa hình (góc chiếu khác nhau giữa chân núi với đỉnh núi, giữa sườn đón nắng với sườn khuất nắng); gió mùa Đông Bắc (chỉ ảnh hưởng từ dãy Bạch Mã trở

ra Bắc hoặc khác nhau sườn Đông và Tây dãy Hoàng Liên Sơn); vĩ độ địa lí (ảnh hưởng tới góc nhập xạ, tăng dần từ Bắc vào Nam).

=> **Chọn đáp án B**

Câu 2. Điểm giống nhau về khí hậu giữa vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Đông Bắc Bộ là

- A. có mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nền nhiệt mùa đông thấp bằng nhau.
- B. có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, biên độ nhiệt trong năm lớn, nhiệt độ cực đại vào tháng 7.**
- C. thuộc miền khí hậu phía Bắc, có đầy đủ ba đai cao, nhiệt độ phân hóa rõ nét theo độ cao địa hình.
- D. số tháng lạnh bằng nhau, nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1, mùa đông có tuyết rơi ở đỉnh núi cao.

Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ và Đông Bắc Bộ đều thuộc cánh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nên có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, biên độ nhiệt trong năm lớn, nhiệt độ cực đại vào tháng 7.

=> **Chọn đáp án B**

Câu 3. Hàng năm, trong khoảng thời gian tháng IX - XI, Trung Bộ chịu ảnh hưởng liên tiếp của các đợt mưa lũ do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lí, xoáy thuận nhiệt đới, dải hội tụ nội chí tuyến, gió đông bắc, địa hình.**
- B. vị trí địa lí, gió hướng đông bắc, gió hướng tây nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- C. hình dạng lãnh thổ, gió Tín phong, gió mùa Tây Nam, bão, áp thấp nhiệt đới.
- D. hình dạng lãnh thổ, địa hình chắn gió, các loại gió hướng Tây Nam, bão nhiệt đới.

Vị trí địa lí trải dài trên nhiều vĩ độ; xoáy thuận nhiệt đới là vùng gió xoáy, hình thành trên biển nhiệt đới, gió thổi xoáy vào trung tâm theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, khí áp thấp hơn xung quanh, có mưa, đôi khi kèm theo dông, tố, lốc; gió ĐB (gồm cả gió tín phong và gió mùa ĐB); địa hình có dãy Trường Sơn đón gió từ biển vào.

Chọn đáp án A

Câu 4. Chế độ mưa của phần lãnh thổ phía Nam nước ta đã làm cho chế độ nước của sông ngòi

- A. có sự chênh lệch lớn về lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn.**
- B. có thời gian lũ không giống nhau giữa các vùng lãnh thổ.
- C. theo sát nhịp điệu mưa, phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ mưa.
- D. có mùa lũ trùng với mùa khô, mùa cạn trùng với mùa mưa.

Chế độ nước sông ngòi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào nước mưa, trong khi phần lãnh thổ phía Nam có chế độ mưa phân hoá theo mùa nên chế độ nước sông ngòi cũng phân hoá mùa lũ, cạn.

Chọn đáp án A

Câu 5. Tính địa đới của tài nguyên đất nước ta được thể hiện ở

- A. đất feralit có mùn ở độ cao 600-700m đến 1600-1700m.
- B. đất phù sa ngọt phân bố dọc các thung lũng sông lớn.
- C. đất feralit đỏ vàng chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp.**
- D. đất feralit, đất feralit có mùn, đất mùn và đất mùn thô.

Tính địa đới của tài nguyên đất nước ta được thể hiện ở đất feralit đỏ vàng chiếm ưu thế ở vùng đồi núi thấp. (do nước ta nằm trong khu vực có khí hậu nóng, ẩm)

=> **Chọn đáp án C**

Câu 6. So với Nam Bộ, hệ sinh thái rừng ngập mặn ở miền Trung phát triển không thuận lợi chủ yếu do

- A. ít bãi lầy ven biển, nhiều bãi cát, sóng biển, bão mạnh.**
- B. ít đất phèn, thềm lục địa hẹp, nhiều bão và áp thấp.
- C. rừng phòng hộ chiếm ưu thế, tác động của con người.
- D. địa hình hẹp ngang, tác động của gió mùa Đông Bắc.

Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở miền Trung phát triển không thuận lợi như Nam Bộ chủ yếu do ít bãi lầy ven biển, nhiều bãi cát, sóng biển, bão mạnh.

=> **Chọn đáp án A**

Câu 7. Miền Bắc có một mùa đông lạnh, miền Nam có một mùa khô sâu sắc, Tây Trường và Đông Trường Sơn có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô. Đặc điểm khí hậu đó là do

- A. nước ta nằm ở vùng nội chí tuyến ở trung tâm vùng Đông Nam Á gió mùa.
- B. hoạt động của gió mùa làm phức tạp tính chất nóng ẩm cơ bản của nước ta.**
- C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến lại tiếp giáp với Biển Đông.
- D. sự luân phiên hoạt động nhịp nhàng của các khối khí trên lãnh thổ nước ta.

Tính chất nóng ẩm là tính chất cơ bản của khí hậu nhiệt đới, tuy nhiên yếu tố gió mùa làm cho khí hậu nước ta thay đổi cả theo không gian và thời gian. Nên khí hậu nước ta trở nên phân hoá đa dạng và thất thường.

=> Chọn đáp án B

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây về vị trí địa lí ảnh hưởng quyết định đến sự cung ứng dịch vụ logistics và kết nối giao thông của nước ta với thế giới?

- A. trong khu vực kinh tế phát triển năng động, gần trung tâm Đông Nam Á.
- B. Nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải và đường hàng không quốc tế.**
- C. Nước ta nằm tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia và biển Đông.
- D. Nước ta nằm ở vị trí giao thoa giữa các nền văn hoá lớn trên Thế giới.

Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng....Do đó, vị trí nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải và đường hàng không quốc tế là điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ logistics.

=> Chọn đáp án B

Câu 9. Định hướng phát triển chung của nền kinh tế nước ta hiện nay

- A. thực hiện công cuộc Đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế tri thức.
- B. khu vực hoá, toàn cầu hoá, áp dụng khoa học – công nghệ, kinh tế tuần hoàn.
- C. áp dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập, phát triển bền vững.**
- D. phát triển bền vững, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, kinh tế xanh, kinh tế tri thức.

=> Định hướng phát triển chung của nền kinh tế nước ta hiện nay chính là chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, đó là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội trên nền tảng áp dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập, phát triển bền vững.

=> Chọn đáp án C

Câu 10. Dân số nông thôn của nước ta chiếm tỉ lệ lớn chủ yếu do

- A. trình độ công nghiệp hóa chưa cao, xuất phát kinh tế thấp.**
- B. nông nghiệp là ngành truyền thống, cần rất nhiều lao động.
- C. chủ yếu trồng lúa nước, tính chất nền kinh tế, tập quán.
- D. công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển, đô thị thừa thớt.

Trình độ công nghiệp hóa chưa cao biểu hiện qua sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm làm cho dân số còn hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nhiều, đòi hỏi nhiều lao động nên thường gắn với khu vực nông thôn; xuất phát kinh tế thấp chủ yếu là từ nông nghiệp cũng là nguyên nhân làm cho dân số tập trung ở nông thôn nhiều.

=> Chọn đáp án A

Câu 11. Năng suất lao động ở khu vực thành thị nước ta cao hơn nông thôn chủ yếu do

- A. trình độ lao động, tính chất nền kinh tế, ứng dụng công nghệ.**
- B. chất lượng lao động, trình độ phát triển kinh tế, dân số đông.
- C. công nghiệp và dịch vụ là hai ngành chính, trình độ lao động.
- D. cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng tốt, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Trình độ lao động ở khu vực thành thị thường cao hơn khu vực nông thôn, đây là lợi thế để ứng dụng công nghệ vào sản xuất. Mặt khác, tính chất nền kinh tế khu vực thành thị tập trung chủ yếu vào sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Vì vậy, năng suất lao động cao hơn ở nông thôn.

=> Chọn đáp án A

Câu 12. Cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay đang có sự chuyển dịch tích cực, do tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Thu hút đầu tư, chất lượng lao động cao, thị trường lớn, đô thị hóa.
- B. Công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển, năng suất lao động, nhu cầu.
- C. Tâm lí xã hội, ý thức người lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.
- D. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nền kinh tế thị trường, đô thị hóa.**

Cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay đang có sự chuyển dịch theo ngành do Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch theo thành phần kinh tế do nền kinh tế thị trường, chuyển dịch theo thành thị và nông thôn do đô thị hóa.

=> **Chọn đáp án D**

Câu 13. Tỷ lệ dân thành thị ở Đồng bằng sông Hồng cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long do

- A. hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng phát triển hơn.
- B. số lượng đô thị Đồng bằng sông Hồng nhiều hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng được khai thác sớm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. bình quân đất canh tác trên đầu người ở Đồng bằng sông Hồng thấp hơn.

Hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng phát triển hơn do có trình độ kinh tế - xã hội phát triển hơn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực hơn, lịch sử khai thác lãnh thổ sớm hơn.

=> **Chọn đáp án A**

Câu 14. Hướng giải quyết việc làm quan trọng nhất hiện nay của nước ta

- A. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động, đầu tư tạo việc làm.
- B. Đẩy mạnh việc đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng lao động.
- C. Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin kịp thời về thị trường lao động.
- D. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động mở rộng thị trường việc làm.

Hướng giải quyết việc làm quan trọng nhất hiện nay của nước ta là đẩy mạnh việc đào tạo và dạy nghề, nâng cao chất lượng lao động. Vì khắc phục được những hạn chế của nguồn lao động nước ta về trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề và tác phong công nghiệp. Mặt khác, việc đào tạo nâng cao chất lượng người lao động có thể tự tạo ra việc làm cho chính mình và cho xã hội.

=> **Chọn đáp án B**

Câu 15. Hàng nội địa và xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. sản xuất trong nước phát triển, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sản xuất phong phú, đa dạng.
- C. nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nguyên liệu đa dạng.
- D. đẩy mạnh việc xuất khẩu, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Sản xuất trong nước phát triển giúp cho hàng hoá nội địa ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người dân; chính sách đẩy mạnh xuất khẩu thực hiện quá trình hội nhập, mở rộng thị trường... là những nguyên nhân làm cho hàng nội địa và hàng xuất khẩu tăng nhanh.

=> **Chọn đáp án A**

Câu 16. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là vùng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vào loại cao nhất cả nước chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Hoạt động xuất khẩu diễn ra mạnh, dân cư đông đúc, vốn đầu tư rất lớn.
- B. Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, có nhiều chợ lớn, siêu thị.
- C. Có mật độ dân số cao, vốn đầu tư rất lớn, nền kinh tế hàng hoá phát triển.
- D. Vốn đầu tư lớn, nhu cầu tiêu dùng cao, sản xuất, xuất khẩu nhiều hàng hóa.

Dịch vụ tiêu dùng bao gồm: các hoạt động bán buôn, bán lẻ, du lịch, y tế, giáo dục, thể dục thể thao... ở 2 vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng có tổng mức bán lẻ vào loại cao nhất cả nước là do kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, có nhiều chợ lớn, siêu thị.

=> **Chọn đáp án B**

Câu 17. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong xu hướng phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- B. Tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp.
- C. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hiện đại.
- D. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ chung trong hướng phát triển ngành nông nghiệp, để thực hiện nhiệm vụ chung đó nước ta đang thực hiện từng bước qua các mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới...

=> **Chọn đáp án D**

Câu 18. Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu cây ăn quả nhiệt đới ở nước ta là

- A. chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường.
- B. tăng đầu tư vốn, nâng cao trình độ lao động.
- C. đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu.
- D. liên kết chế biến, tìm kiếm các thị trường mới.

Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu cây ăn quả nhiệt đới ở nước ta là: chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường (chuyển giao công nghệ gắn liền với xu hướng trồng cây ăn quả hữu cơ, VietGAP, công nghệ cao được áp dụng rộng rãi để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm; mở rộng thị trường nhằm tìm kiếm thêm thị trường đầu ra, cũng như để thị trường bên ngoài biết thêm về các sản phẩm cây ăn quả đặc sản, thế mạnh của Việt Nam).

=> **Chọn đáp án A**

Câu 19. Các cơ sở sản xuất đồ uống tập trung ven các đô thị lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. gần nguồn nguyên liệu và cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại.
- B. có lực lượng lao động đông đảo và gần nguồn nguyên liệu.
- C. gần thị trường tiêu thụ và có lực lượng lao động đông đảo.
- D. gần thị trường tiêu thụ và đáp ứng nguồn vốn đầu tư lớn.

Các cơ sở sản xuất đồ uống là một phân ngành của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. Do đó, trong điều kiện phát triển cần đến thị trường tiêu thụ là khâu đầu ra và lực lượng lao động đông đảo là khâu đầu vào để tiến hành sản xuất, mà ở ven các đô thị lớn là nơi đáp ứng được những điều kiện này.

=> **Chọn đáp án C**

Câu 20. Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông vận tải lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. có nền kinh tế - xã hội phát triển, tập trung nhiều tuyến đường quan trọng đi qua.
- B. có vị trí thuận lợi, dân cư tập trung đông đúc và nhiều tuyến đường quan trọng.
- C. tập trung nhiều loại hình, kinh tế - xã hội phát triển, hạ tầng giao thông vận tải.
- D. vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng vận tải phát triển, dân cư tập trung đông đúc.

Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông vận tải lớn của nước ta chủ yếu là do tập trung nhiều loại hình vận tải như đường: bộ, sắt, biển, sông, hàng không; kinh tế - xã hội phát triển nhất so với cả nước, hạ tầng giao thông vận tải được đầu tư hiện đại và khá đồng bộ đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

=> **Chọn đáp án C**

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2021 TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$	20,3	22,3	25,8	27,5	29,6	31,1	30,9	30,8	27,8	26,8	25,1	22,4
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	24,1	22,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

- a) Tháng lạnh nhất chịu ảnh hưởng khuếch tán của gió mùa đông bắc, biên độ nhiệt $10,8^{\circ}\text{C}$.
- b) Nhiệt độ đạt tiêu chuẩn nhiệt đới, lượng mưa các tháng mùa mưa gấp 19,9 lần tháng khô.
- c) Mưa thu đông, nhiệt độ tháng nóng nhất ảnh hưởng của hoàn lưu gió và địa hình đón gió.
- d) Có 3 tháng hạn, 4 tháng khô, mưa phân hoá theo mùa, chiếm gần 90% lượng mưa cả năm.

Lện h hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
a	Đ	Do vị trí Đà Nẵng nằm gần với dãy Bạch Mã nên tháng lạnh nhất chịu ảnh hưởng khuếch tán của gió mùa Đông Bắc.
b	Đ	Nhiệt độ đạt tiêu chuẩn nhiệt đới, tất cả các tháng đều có nhiệt độ trên 20°C , lượng

		mưa các tháng mùa mưa ($p > 100\text{mm}$) tháng 9, 10, 11, 12 gấp 11,1 lần tháng khô ($p < 2t$) tháng 1, 2, 6, 7. (tháng 7 vừa khô vừa hạn)
<i>c</i>	<i>S</i>	Mưa thu đông, nhiệt độ tháng nóng nhất ảnh hưởng của hoàn lưu gió và địa hình đón gió là sai vì nhiệt độ tháng nóng nhất là tháng 6 với $31,1^{\circ}\text{C}$ do ảnh hưởng của gió phơn và địa hình khuất gió, vị trí Đà Nẵng nằm phía đông dãy Trường Sơn Nam.
<i>d</i>	<i>Đ</i>	Có 3 tháng hạn ($p < t$) là các tháng 3, 4, 5; 4 tháng khô là các tháng 1, 2, 6, 7, mưa phân hoá theo mùa, chiếm gần 90% lượng mưa cả năm.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sự tham gia và phát triển các chuỗi nông sản mang lại nhiều lợi ích cho các bên. Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị giúp đảm bảo cho các chủ thể tham gia chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm với nhau, điều tiết cung cầu thị trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp.

- a) Chuỗi giá trị nông sản ở nước ta chủ yếu là khâu cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom sản phẩm. S
b) Hiện nay, ở nước ta số lượng hợp tác xã nông nghiệp chiếm tỉ lệ lớn tạo thuận lợi cho việc tham gia vào các chuỗi cung ứng nông nghiệp. Đ
c) Nhằm nâng cao giá trị nông sản đầu vào nước ta đã đẩy mạnh phát triển khâu chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Đ
d) Các doanh nghiệp tiến hành hợp tác trực tiếp với nông dân trong việc thu mua nguồn nông sản để giảm chi phí sản xuất. S

<i>Lện h hỏi</i>	<i>Đáp án (Đ/S)</i>	<i>Giải thích</i>
<i>a</i>	<i>S</i>	Chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam hiện nay thường bao gồm các công đoạn (khâu) chính: Cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom, chế biến, thương mại và tiêu thụ.
<i>b</i>	<i>Đ</i>	Theo số liệu thống kê, hiện nay cả nước có 31.764 HTX, 158 liên hiệp HTX và 73 nghìn tổ hợp tác ở nước ta số lượng hợp tác xã nông nghiệp chiếm tỉ lệ lớn tạo thuận lợi cho việc tham gia vào các chuỗi cung ứng nông nghiệp.
<i>c</i>	<i>Đ</i>	Đẩy mạnh phát triển khâu chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Là một trong những xu hướng phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh.
<i>d</i>	<i>S</i>	Hiện nay việc thu mua nguồn nông sản ở nước ta vẫn phải qua khâu trung gian là các thương lái.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN, GDP VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2012 – 2021.

Tiêu chí	2012	2015	2021
Số dân (triệu người)	88,8	92,2	98,5
GDP (tỉ đồng)	4073,8	5191,3	8479,7
Thu nhập bình quân đầu người một tháng (nghìn đồng/người)	3825	4692	7175

- a) Quy mô dân số và GDP của nước ta giai đoạn 2012-2021 đều tăng, trong đó GDP có tốc độ tăng nhanh hơn.
b) Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 tăng liên tục.
c) Quy mô dân số của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 giảm liên tục.
d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 gấp 1,9 lần so với năm 2012.

Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
<i>a</i>	Đ	<i>Quy mô dân số và GDP của nước ta giai đoạn 2012-2021 đều tăng, trong đó GDP có tốc độ tăng nhanh hơn (Tốc độ tăng quy mô dân số là: 110,9%; Tốc độ tăng GDP là: 208,2%)</i>
<i>b</i>	Đ	<i>Thu nhập bình quân đầu người một tháng của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 tăng liên tục (3825 nghìn đồng => 4692 nghìn đồng => 7175 nghìn đồng)</i>
<i>c</i>	S	<i>Quy mô dân số của nước ta giai đoạn 2012 - 2021 không giảm mà tăng liên tục (88,8 tr người => 92,2 tr người => 98,5 tr người)</i>
<i>d</i>	Đ	<i>Thu nhập bình quân đầu người của nước ta năm 2021 gấp 1,9 lần so với năm 2012 (TNBQ năm 2021 khoảng 86,1 tr đồng/ người, năm 2012 khoảng 45,9 tr đồng/ người). Như vậy, so với năm 2012, năm 2021 TNBQ nước ta tăng 1,9 lần.</i>

Câu 4. Cho thông tin sau:

Đến nay, ngành Dầu khí Việt Nam đã có đủ các hoạt động trong chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, công nghiệp khí - điện, chế biến dầu khí, dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Xu hướng phát triển của ngành là áp dụng quy trình công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm tài nguyên, tăng hiệu quả và giá trị sử dụng các sản phẩm dầu thô, khí tự nhiên, giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường.

a) Các nhà máy nhiệt điện có công suất lớn ở nước ta hiện nay sử dụng nguồn nhiên liệu từ khí thiên nhiên.

b) Để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm dầu khí của Việt Nam cần đẩy mạnh chế biến sâu, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

c) Việc phát triển ngành khai thác và chế biến dầu khí không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

d) Giải pháp đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp dầu khí chủ yếu là nâng cao trình độ lao động, thu hút đầu tư, nội địa hóa hoạt động của ngành.

Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
<i>a</i>	Đ	<i>Các nhà máy nhiệt điện có công suất lớn ở nước ta hiện nay sử dụng nguồn nhiên liệu từ khí thiên nhiên như nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ, Bà Rịa, Cà Mau...</i>
<i>b</i>	Đ	<i>Để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm dầu khí của Việt Nam đã áp dụng chế biến sâu, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại như: Công nghệ khai thác dầu trong đá móng, công nghệ làm lạnh sâu dòng khí nguyên liệu, công nghệ nén khí tự nhiên....</i>
<i>c</i>	Đ	<i>Việc phát triển ngành khai thác và chế biến dầu khí không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.</i>
<i>d</i>	S	<i>Giải pháp quan trọng nhất đối với ngành dầu khí là áp dụng quy trình công nghệ hiện đại vào sản xuất.</i>

Câu 5. Cho thông tin sau:

Ngày 28/05/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định 35/2022 NĐ-CP “Quy định về Quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp” đề ra “phương hướng xây dựng, phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế; đầu tư hạ tầng, thành lập, hoạt động, chính sách phát triển và quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu kinh tế”. Nghị định đã định hướng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp,

khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp sinh thái, giảm tiêu hao năng lượng, hạn chế khí phát thải nhà kính, chú trọng trách nhiệm xã hội và được quản trị theo mô hình Chính phủ số. Đây chính là xu hướng mới trong phát triển các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay.

a) Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao góp phần thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cũng đặt ra nhiều vấn đề về chất thải, bảo vệ môi trường cần giải quyết.

c) Khó khăn trong việc chuyển đổi sang phát triển các khu công nghiệp sinh thái là chi phí xây dựng lớn hơn nhiều so với khu công nghiệp.

d) Ý nghĩa xã hội của việc phát triển mô hình khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ là nâng mức thu nhập của người dân lên rất cao.

Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
a	Đ	<i>Phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao là những hình thức TCLT hiện nay của nước ta, là một trong những công cụ hữu hiệu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.</i>
b	Đ	<i>Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cũng đặt ra nhiều vấn đề về chất thải, bảo vệ môi trường cần giải quyết.</i>
c	Đ	<i>Khó khăn trong việc chuyển đổi sang phát triển các khu công nghiệp sinh thái là chi phí xây dựng lớn hơn nhiều so với khu công nghiệp.</i>
d	S	<i>Ý nghĩa xã hội của việc phát triển mô hình khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ là phát triển công nghiệp và thu hút đầu tư trở thành đòn bẩy để củng cố, phát triển toàn diện về kinh tế-xã hội; phát triển đô thị, kiến tạo được môi trường sống phục vụ cho một cộng đồng dân cư đa dạng với nhiều thành phần cư dân. Trong đó, nhà đầu tư tìm được người lao động, người lao động tìm được việc làm ổn định ngay tại địa phương; nâng mức thu nhập của người dân là 1 phần của phát triển kinh tế toàn diện.</i>

Câu 6. Cho thông tin sau:

Cao tốc Bắc - Nam có vai trò rất quan trọng, là trục xương sống, hành lang kinh tế - vận tải huyết mạch của đất nước. Để tạo ra động lực đột phá, phát huy được tiềm năng, lợi thế các địa phương trên hành lang này, tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đã được quy hoạch với tổng chiều dài 2.063 km từ Cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn đến Cà Mau đi qua 32 tỉnh, thành phố.

a) Việc xây dựng cao tốc Bắc – Nam đã làm cho chi phí logistics tăng.

b) Tạo công ăn, việc làm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.

c) Góp phần mở ra không gian phát triển mới, thu hút đầu tư.

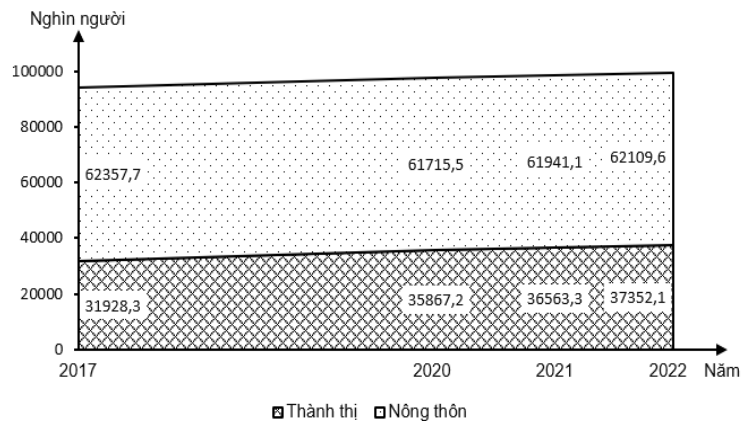
d) Góp phần phát triển kinh tế xã hội phần lãnh thổ phía Tây đất nước phát triển.

Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
a	S	<i>Việc xây dựng cao tốc Bắc – Nam đã làm cho chi phí logistics giảm nhờ việc vận tải, lưu thông nhanh chóng, thuận tiện hơn.</i>
b	Đ	<i>Hệ thống đường cao tốc đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối, vận tải hàng hóa, hành khách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, rút ngắn khoảng cách, thời gian đi lại giữa các vùng, miền, tạo liên kết giữa các trung tâm kinh tế - chính trị, các địa phương, cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế...</i>

c	Đ	Góp phần mở ra không gian phát triển mới, thu hút đầu tư → hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông luôn đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, là chỉ số quan trọng đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia.
d	S	Cao tốc Bắc – Nam nằm phía Đông đất nước có tổng chiều dài 2.063 km, với điểm đầu là cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) và điểm cuối là đường vành đai của thành phố Cà Mau. Vì vậy, góp phần phát triển kinh tế xã hội chủ yếu phần lãnh thổ phía Đông.

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Cho biểu đồ về dân số thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 2017 - 2022:



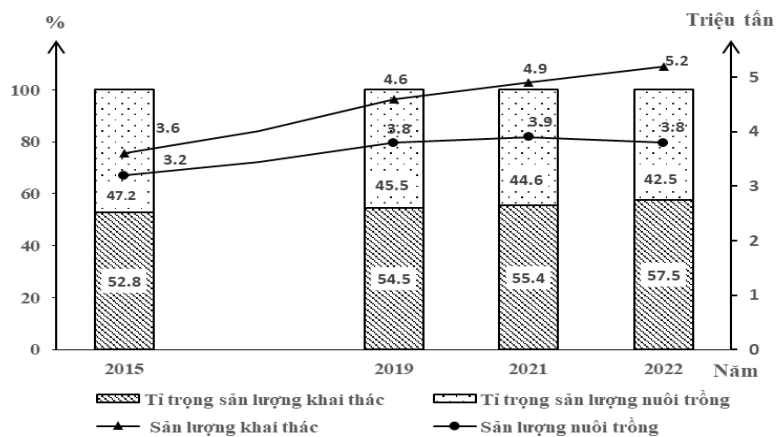
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, cho biết năm 2022 tỉ lệ dân nông thôn giảm bao nhiêu phần trăm so với năm 2017. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 3,7**

(Tỉ lệ dân nông thôn năm 2017: 66,1%; Tỉ lệ dân thành thị năm 2022: 62,4% => tỉ lệ dân nông thôn giảm 66,1% - 62,4% = 3,7%)

Câu 2. Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 – 2022



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, tính tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản nước ta năm 2022 so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

→ **Đáp án: 132**

(Tổng sản lượng thủy sản năm 2015: 6,8 triệu tấn; năm 2022: 9,0 triệu tấn => tính tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản nước ta năm 2022 so với năm 2015: $9,0/6,8 \times 100\% = 132\%$)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

Năm	2010	2013	2016	2021
Khai thác biển	2220,0	2607,0	3035,9	3743,8
Khai thác nội địa	194,4	196,8	190,2	195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác biển năm 2021 so với năm 2010 lớn hơn bao nhiêu % tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2021 so với năm 2010? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 68,3**

(Tốc độ tăng trưởng SL thủy sản khai thác biển năm 2021 so với 2010: 168,6%; Tốc độ tăng trưởng SL thủy sản khai thác nội địa năm 2021 so với 2010: 100,3% => Tốc độ tăng trưởng SL thủy sản khai thác biển so với tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác nội địa là: 168,6% - 100,3% = 68,3%)

Câu 4. Cho bảng số liệu

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BỘ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	587,0	882,6	1 282,1	1 303,3
Khối lượng luân chuyển (tỉ tấn.km)	36,2	51,5	73,5	75,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của đường bộ ở nước ta năm 2021 giảm đi bao nhiêu km so với năm 2010 ? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân thứ nhất của km)

→ **Đáp án: 3,9**

(Cự li vận chuyển trung bình của đường bộ ở nước ta năm 2010: 61,7km; cự li vận chuyển trung bình của đường bộ ở nước ta năm 2021: 57,8 km => cự li vận chuyển trung bình của đường bộ ở nước ta năm 2021 so với năm 2010 đã giảm đi: 3,9 km)

Câu 5. Năm 2022, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta là 730,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 358,9 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất siêu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2022. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 3,3**

(GT xuất khẩu: 730,2 – 358,9 = 371,3 tỉ USD, Cán cân XNK: 371,3 – 358,9 = 12,4 tỉ USD; Tỉ lệ xuất siêu: 12,4/ 371,3 x 100% = 3,3%)

Câu 6. Năm 2021, biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta là 668,9 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 101%. Tính trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

→ **Đáp án: 336B**

(GTXK + GTNK = 668,9 tỉ USD; GTXK = 101% GTNK hay GTNK = 0,99 GTXK => GTXK = Tổng GTXNK/ 1,99 ⇔ 668,9/1,99 = 336 tỉ USD)